

Áp lực đáo hạn TPDN tăng cao trong Q2

- Quy mô phát hành TPDN trong tháng 3 đạt 31.6 nghìn tỷ đồng (gấp 9.4 lần so với T2, +84% svck). Lũy kế 3T2026, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 40.1 nghìn tỷ đồng (+60% svck).
- Chúng tôi ước tính sẽ có khoảng 58 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn trong Q2/26 (+140% svck).
- Lợi suất TPCP kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng, hiện ở mức 4.21%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Phát hành TPDN sôi động trong T3, dẫn dắt bởi nhóm Bất động sản

Thị trường TPDN sôi động trong tháng 3 với tổng giá trị phát hành đạt 31.6 nghìn tỷ đồng, gấp gần 9.4 lần so với tháng trước và tăng 84% svck. Trong đó, động lực chính đến từ nhóm Bất động sản khi chiếm tới 75.2% giá trị phát hành trong tháng, tương đương 23.8 nghìn tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với mức 270 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm. Bên cạnh đó, giá trị phát hành nhóm ngân hàng cũng tăng 80.6% so với tháng 2, đạt gần 6 nghìn tỷ đồng (chiếm 18.8% tổng giá trị phát hành tháng).

Về phương thức phát hành, phát hành riêng lẻ quay trở lại chiếm ưu thế với tổng giá trị phát hành 25.5 nghìn tỷ đồng, chiếm 80.7%. Trong khi các trái phiếu phát hành ra công chúng vẫn chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 40.1 nghìn tỷ đồng, tăng 60% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong năm 3T2026 ước đạt khoảng 7.9%, cao hơn so với mức 7.3% của năm 2025.

Bất động sản là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với 24.1 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 60%. Lãi suất bình quân gia quyền T3 đã giảm 3.7 điểm phần trăm so với T2, hiện ở mức 7.8%/năm, chủ yếu do ảnh hưởng từ lô trái phiếu quy mô lớn của Công ty TNHH Đầu tư Marina Center (chiếm 42.8% giá trị phát hành của nhóm trong tháng) với lãi suất kỳ đầu chỉ ở mức 4%/năm. Kỳ hạn bình quân của nhóm BĐS trong Q1 là 5.9 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: Công ty TNHH Đầu tư Marina Center (10.2 nghìn tỷ đồng), Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T (8 nghìn tỷ đồng), Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt (5.6 nghìn tỷ đồng). Xu hướng này trái ngược với 3 tháng đầu năm ngoái, khi toàn bộ lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành đều tập trung ở nhóm ngân hàng và chứng khoán.

Nhóm **Ngân hàng** chiếm tỷ trọng 28.6% với tổng giá trị phát hành đạt 11.5 nghìn tỷ đồng. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 7.7%/năm, kỳ hạn bình quân gần 7.7 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất gồm có: HDB (4.7 nghìn tỷ đồng), BID (3.3 nghìn tỷ đồng) và CTG (2.2 nghìn tỷ đồng).

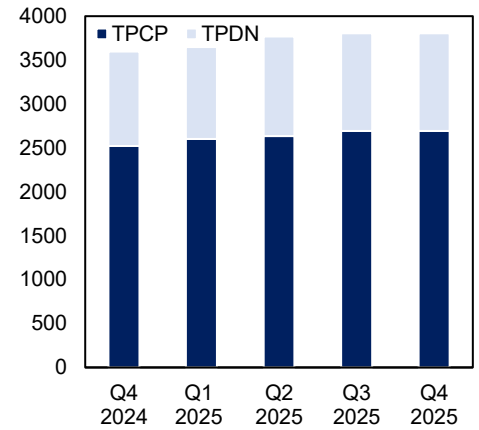
Hoạt động mua lại TPDN trước hạn gia tăng trong tháng 3

Giá trị TPDN mua lại trước hạn trong tháng 3 đạt khoảng 7.7 nghìn tỷ đồng, tăng 265% so với tháng trước nhưng giảm 22.8% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm Bất động sản chiếm 74% với trị giá mua lại khoảng 5.7 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ đợt mua lại 5.5 nghìn tỷ đồng của Capitaland Tower. Nhóm Ngân hàng ghi nhận mức mua lại 1.7 nghìn tỷ đồng (+61.6 lần svck), chiếm 22.3% tổng giá trị mua lại trong tháng. Lũy kế 3T2026, khoảng 11.3 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (-59% svck), với đóng góp chủ yếu đến từ giá trị mua lại của nhóm Bất động sản (chiếm 64% giá trị mua lại, -24.5% svck).

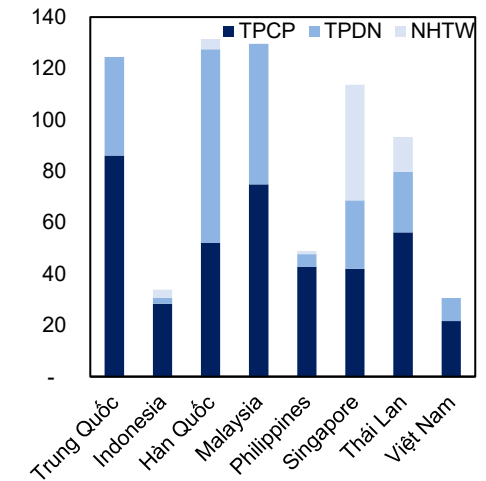
Áp lực đáo hạn TPDN tăng cao trong Q2

Về tình hình chậm trả, tháng 3 ghi nhận 9 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với giá trị chậm trả gần 4.7 nghìn tỷ đồng. Trong đó có 2 mã trái phiếu công bố chậm trả lần đầu của Công ty TNHH Thành phố Aqua và Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Nhà Sài Gòn với tổng mệnh giá 840 tỷ đồng. Lũy kế đến hết tháng

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (Nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q4 2025)



Chuyên viên phân tích

Dinh Hà Anh

Anh.DinhHa@mbs.com.vn

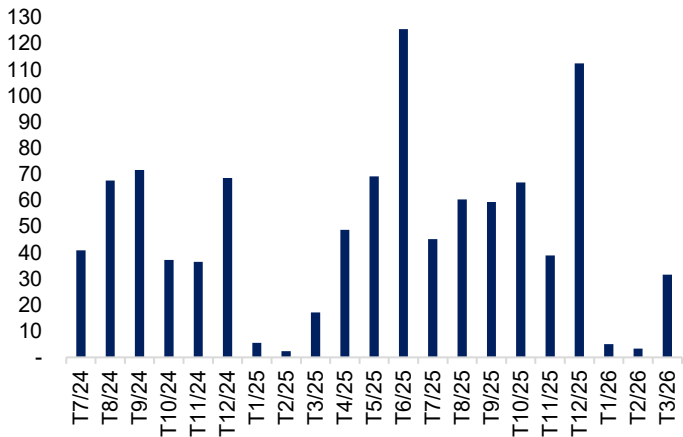
Vũ Lê Giang

Giang.VuLe@mbs.com.vn

3, tổng giá trị trái phiếu đang chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ước đạt khoảng 30.8 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 2.2% dư nợ TPDN toàn thị trường.

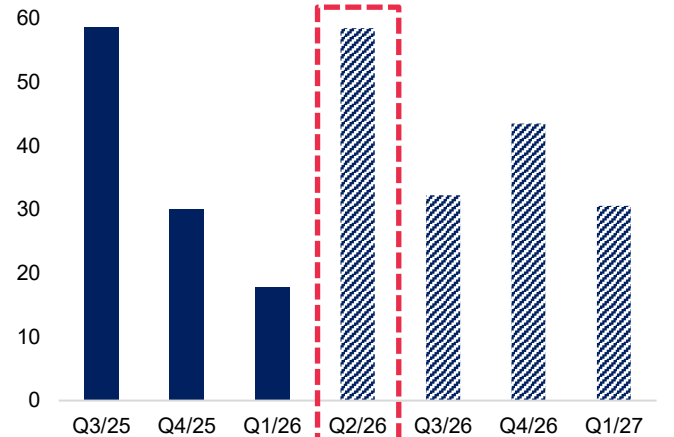
Áp lực thanh toán dự kiến sẽ gia tăng đáng kể trong các tháng tới. Cụ thể, riêng tháng 4 ghi nhận khoảng 28 nghìn tỷ đồng TPDN đáo hạn (đã trừ các khoản mua lại trước hạn), tăng gần 250% svck. Trong quý 2, ước tính có khoảng 58 nghìn tỷ đồng TPDN đến hạn (+140% svck). Trong đó, nhóm Bất động sản chiếm tới 79%, tương đương hơn 46 nghìn tỷ đồng.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/04)



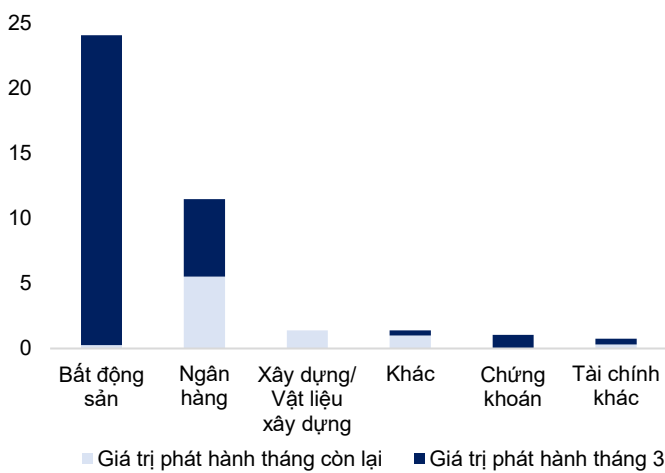
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



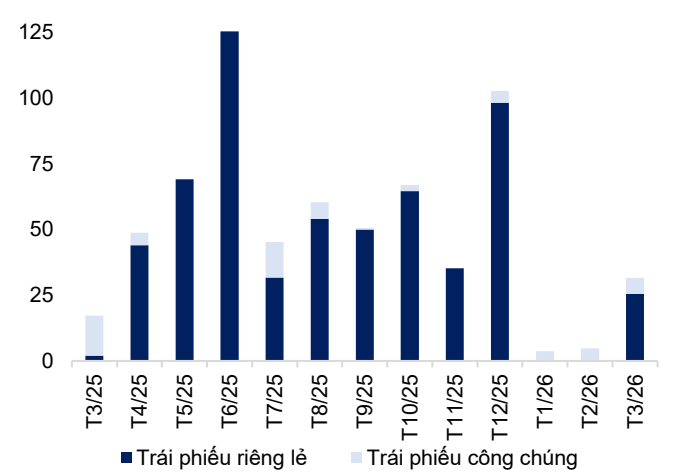
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



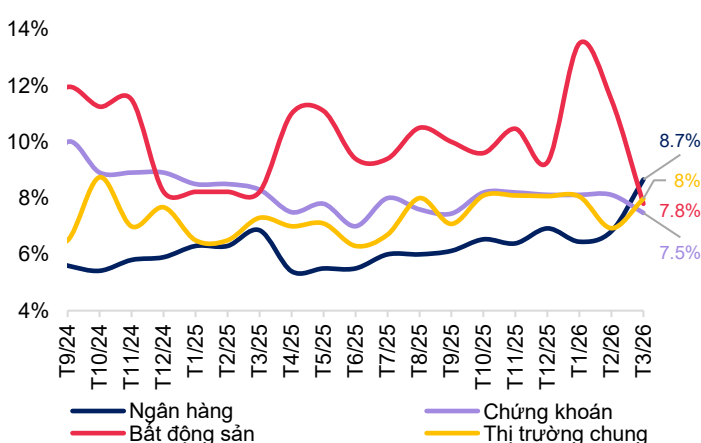
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Cơ cấu phát hành TPDN theo hình thức (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



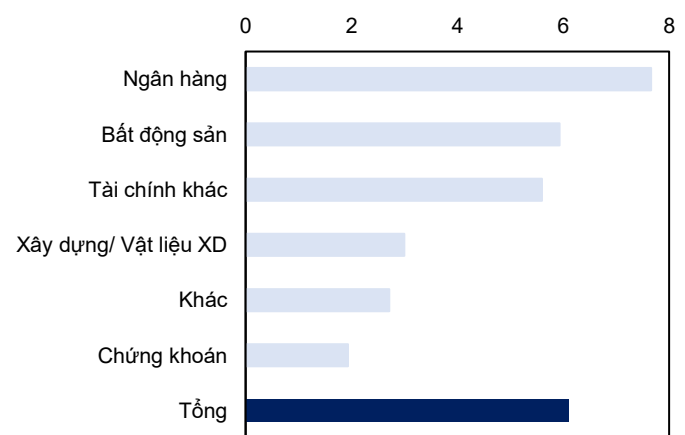
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Lãi suất bình quân tháng của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



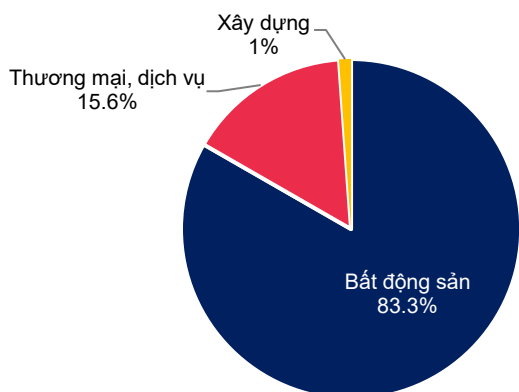
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2026 theo nhóm ngành (năm)



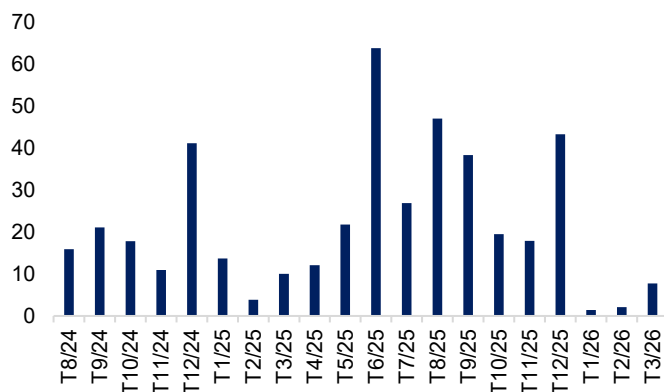
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 30.8 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng) (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/04)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN huy động 19,560 tỷ đồng TPCP trong kỳ - mức thấp nhất trong 6 tháng qua với lợi suất trúng thầu tiếp tục tăng

Trong tháng 3, KBNN đã tổ chức 16 đợt đấu thầu TPCP với tổng giá trị gọi thầu đạt 54 nghìn tỷ đồng. Kết quả, có gần 19.6 nghìn tỷ đồng được huy động thành công, giảm 43.3% so với tháng trước và là lượng trúng thầu thấp nhất trong 6 tháng qua. Lũy kế 3 tháng đầu năm, khối lượng phát hành TPCP đạt 80.1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 72.8% kế hoạch Q1 và 16% kế hoạch năm 2026. Trong đó, kỳ hạn 10 năm chiếm tỷ trọng áp đảo 98%, tương đương 78.5 nghìn tỷ đồng. Theo thông báo ngày 1/4, KBNN dự kiến gọi thầu 45 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 3 và 110 nghìn tỷ đồng trong Q2 - tương đương với kế hoạch Q1.

Trong tháng 3, lợi suất trúng thầu của các kỳ hạn 5-15 năm tăng từ 2 đến 10 điểm cơ bản so với tháng 2. Cụ thể, lợi suất trúng thầu tại phiên đấu thầu cuối tháng 3 của các kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm lần lượt là 3.6%, 4.11% và 4.2%/năm.

Hình 8: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2026 đến nay (Tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN Q1	KBNN đã phát hành Q1	% Kế hoạch KBNN Q1
3 Năm	0	0	
5 Năm	17,000	640	4%
7 Năm	2,000	0	0%
10 Năm	65,000	78,511	121%
15 Năm	17,000	950	6%
20 Năm	3,000	0	0%
30 Năm	6,000	0	0%
Tổng	110,000	80,101	72.8%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/03/2026

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

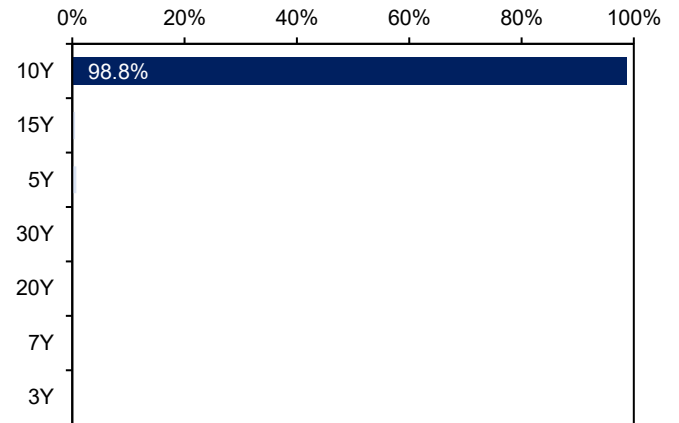
Hình 9: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T3/2026 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3Y				
5Y	3,000	140	5%	3.5% - 3.6%
7Y	1,000	0	0%	
10Y	44,000	19,320	44%	4.11%
15Y	4,000	100	3%	4.2%
20Y	1,500	0	0%	
30Y	500	0	0%	
Tổng	54,000	19,560	36.2%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/03/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

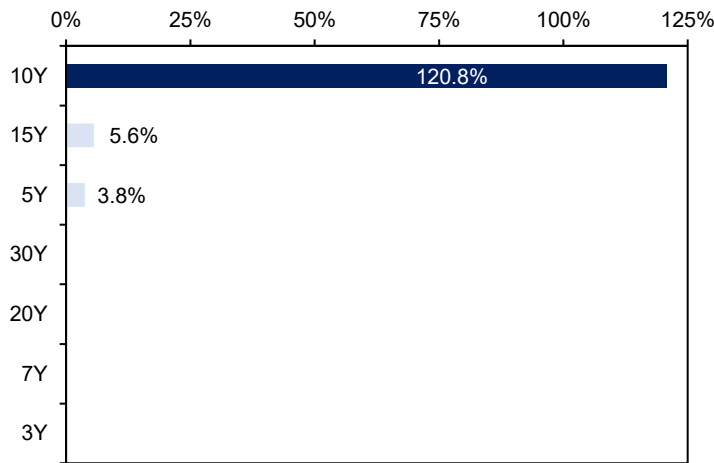
Hình 10: Tỷ trọng TPCP phát hành T3/2026



*Tính đến thời điểm 31/03/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

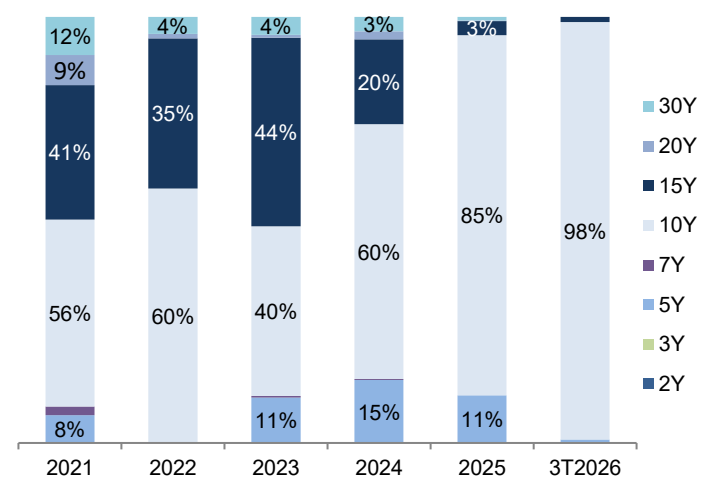
Hình 11: Tỷ lệ trúng thầu 3T2026 so với kế hoạch Q1/2026



*Tính đến thời điểm 31/03/2026

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 12: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/03/2026

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	30/12/2025
Mỹ	4.32	-11.12	37.9	20.6
EU	3.00	-9.04	36.1	14.9
Nhật Bản	2.35	-3.40	23.4	28.8
Trung Quốc	1.82	-0.22	0.6	-3.8
Hàn Quốc	7.03	9.26	37.4	46.3
Ấn Độ	6.86	-0.32	42.8	77.8
Malaysia	3.88	-4.80	43.2	49.2
Singapore	3.63	-0.40	14.2	10.9
Indonesia	5.38	-4.79	57.5	59.2
Philippines	2.29	-7.91	35.1	9.9
Thái Lan	2.36	-0.07	61.8	64.5
Việt Nam	4.21	0.00	9.4	17.3

* Số điểm cơ bản thay đổi so với thời điểm chốt dữ liệu

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

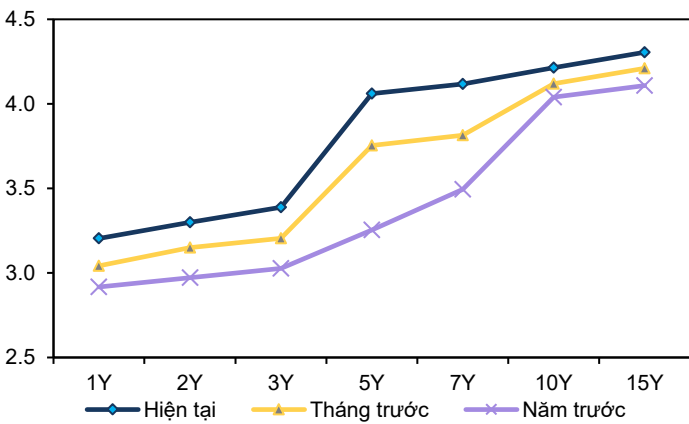
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp tăng 18.5% so với tháng trước. NĐTNN mua ròng 87.8 tỷ đồng TPCP trong tháng 3.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong suốt T3. Đến cuối tháng, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức 4.21%/năm (+9 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), mức cao nhất kể từ T3/23. Trong khi đó, lợi suất kỳ hạn 2N đến cuối T3 cũng tăng 15 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lên mức 3.3%/năm. Diễn biến tăng của lợi suất được hỗ trợ bởi một số yếu tố chính, bao gồm: mặt bằng lợi suất TPCP toàn cầu gia tăng - trong đó lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10N tăng gần 38 điểm cơ bản trong T3, cùng với việc lãi suất tiền gửi tại các NHTM trong nước ở các kỳ hạn từ 6T trở lên cũng được điều chỉnh tăng từ 0.1% - 1.4%.

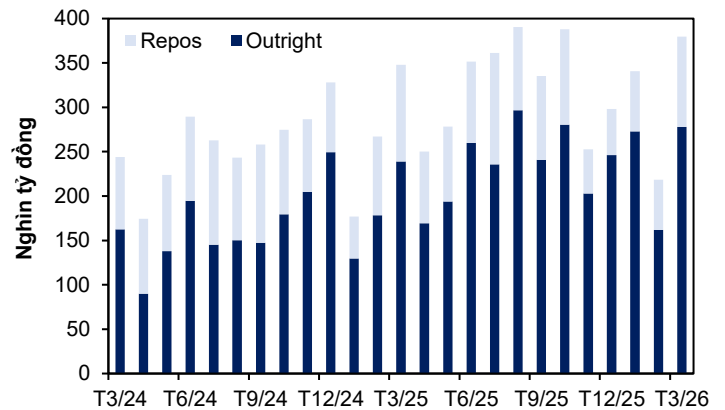
Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt gần 17.3 nghìn tỷ đồng (+ 18.5% so với T2), mức cao nhất trong 7 tháng qua. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 73.2% khối lượng trong kỳ, tương đương 278 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch gần 12.6 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 17.2% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân cũng tăng 22.3% so với tháng trước, đạt khoảng 4.6 nghìn tỷ đồng/ngày. Trong tháng 3, nhà đầu tư nước ngoài đã quay lại mua ròng 87.8 tỷ đồng, qua đó giúp giảm lượng bán ròng của khối ngoại kể từ đầu năm 2026 xuống mức 2.95 nghìn tỷ đồng.

Hình 14: Lợi suất TPCP (%)



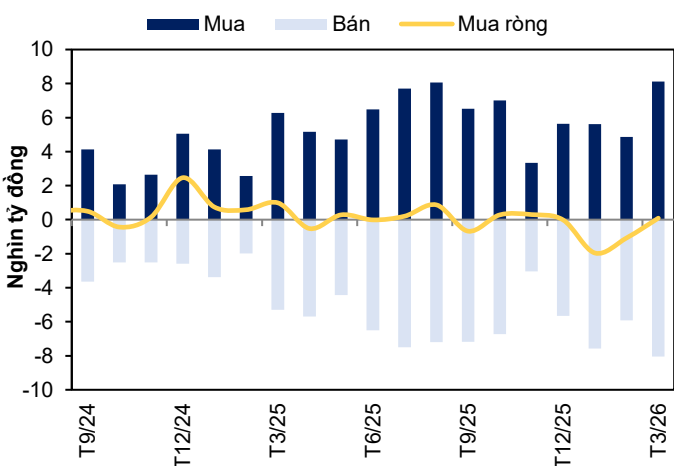
Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/03 | Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 15: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



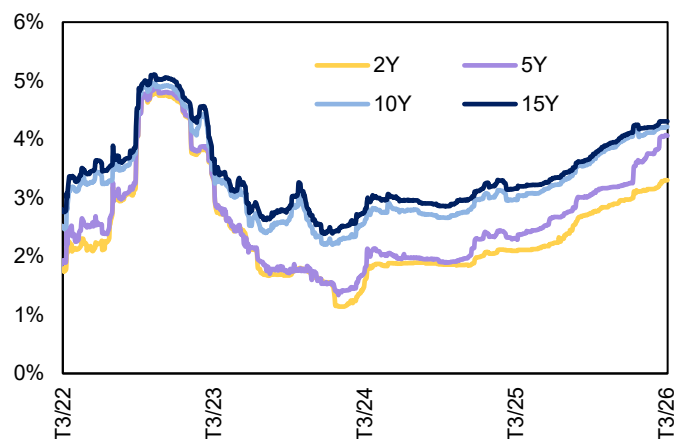
Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/03 | Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 16: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/03 | Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 17: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/03 | Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 18: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2026

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	10	10,196	4.0%
Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	4	8,000	10.5%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	1 - 2	5,600	11.0%
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7 - 8	4,695	8.73% - 8.93%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 10	3,301	6.80% - 6.85%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8	2,221	6.45%
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	3	1,400	9.0%
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	7 - 10	1,017	7.7% - 8.1%
CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	3	1,000	10.0%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	2	970	7.4%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2026

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	5	190	13.5%
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Invest	3	80	11.5%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	1 - 2	5,600	11.0%
Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	4	8,000	10.5%
CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	3	1,000	10.0%
CTCP Kinh doanh F88	2	300	10.0%
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	3	1,400	9.0%
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	7 - 8	4,695	8.73% - 8.93%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	7	250	8.5%
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	8	450	8.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong Q1/2026

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	01/2026	1,000	10.0%	36
KHG	CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	01/2026	190	13.5%	60
	CTCP Kinh doanh F88	01/2026	300	10.0%	24
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	01/2026	2,221.5	6.45%	96
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	01/2026	1,400	9.0%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	02/2026	1,985.2	6.8%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	02/2026	1,000	6.85%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	02/2026	316	6.85%	120
	Công ty Cổ phần Thiên Phúc Invest	02/2026	79.5	11.5%	36
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	03/2026	70	8.5%	12
MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	03/2026	970	7.4%	24
	Công ty TNHH Đầu tư Marina Center	03/2026	10,195.5	4.0%	120
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	03/2026	2,282.2	8.73%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	03/2026	2,412.4	8.93%	96
EVF	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	03/2026	450	8.5%	96
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	03/2026	2,000	11.0%	24
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	03/2026	3,600	11.0%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TMS	Công ty Cổ phần Transimex	03/2026	400	7.0%	24
LPB	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	03/2026	1,001.8	7.9%	96
LPB	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	03/2026	14.7	7.7%	84
LPB	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	03/2026	0.1	8.1%	120
	Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T	03/2026	8,000	10.5%	48
NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	03/2026	250	8.5%	84

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

*Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Đinh Hà Anh
Vũ Lê Giang*

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

*Đinh Công Luyện
Phạm Thị Thanh Hương*

Bất động sản - VLXD

*Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành*

Công nghiệp – Năng Lượng

*Nguyễn Hà Đức Tùng
Mai Duy Anh
Võ Đức Anh*

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

